

KẾ HOẠCH
Thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về khẩn trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (viết tắt là Kết luận số 130-KL/TW); Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (viết tắt là Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW); nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức, tư tưởng chính trị và hành động trong toàn Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ ban hành kế hoạch triển khai công tác thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Việc ban hành Kế hoạch của Đảng ủy Bộ thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW nhằm thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt, triển khai quyết liệt, hiệu quả, xác định thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị là nhiệm vụ cấp bách, trọng tâm của ngành.

- Kế hoạch của Đảng ủy Bộ nhằm cụ thể hoá quan điểm, đường lối, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thành những hành động thiết thực, sát thực tiễn. Trong đó, các nhiệm vụ trọng tâm là hoàn thiện thể chế; xây dựng hạ tầng kỹ thuật, công nghệ; đưa vào vận hành, khai thác có hiệu quả các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, chuyên ngành nông nghiệp và môi trường; giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT), phát triển, vận hành các nền tảng, ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin với lộ trình cụ thể, phân công rõ trách nhiệm và bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện.

- Các đơn vị thuộc Bộ tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong công tác tham mưu, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp môi trường, góp phần hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, đáp ứng yêu cầu cấp bách của việc cải cách tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính; bảo đảm bộ máy các cấp sau cải cách vận hành thông suốt, liên thông, hiệu quả, phục vụ tốt nhất người dân và doanh nghiệp, tạo nền tảng vững chắc cho quản trị quốc gia hiện đại và phát triển bền vững.

2. Yêu cầu

Tổ chức triển khai chuyển đổi số một cách nhanh chóng, kịp thời, toàn diện, liên thông, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu cấp bách của việc cải cách tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính; bảo đảm bộ máy các cấp sau cải cách vận hành thông suốt, liên thông, hiệu quả, phục vụ tốt nhất người dân và doanh nghiệp, chia làm 2 giai đoạn:

a) Giai đoạn cấp bách (đến ngày 30/6/2025):

- 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ được đồng bộ, thống nhất trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ.

- Hoàn thành nâng cấp, cấu hình các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (hệ thống họp trực tuyến; hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc; hệ thống thư điện tử; hệ thống thông tin báo cáo; hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức; cổng thông tin điện tử...) để đáp ứng yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Bảo đảm cung cấp 100% DVCTT thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ đáp ứng điều kiện số lượng hồ sơ trung bình của mỗi dịch vụ công phát sinh ít nhất 10 hồ sơ/năm.

b) Giai đoạn đột phá (đến ngày 31/12/2025):

- Thực hiện việc cung cấp tập trung các DVCTT trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với toàn bộ TTHC đủ điều kiện cung cấp DVCTT toàn trình, một phần, theo hướng thống nhất, đồng bộ trên toàn quốc. Trong đó:

+ Phấn đấu đến hết năm 2025, đạt tối thiểu 85% hồ sơ dịch vụ công của người dân, doanh nghiệp được xử lý trực tuyến toàn trình đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ.

+ Bảo đảm cung cấp 100% DVCTT thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ đáp ứng điều kiện số lượng hồ sơ trung bình của mỗi dịch vụ công phát sinh ít nhất 1.000 hồ sơ/năm/tỉnh và đáp ứng yêu cầu cung cấp 100% kết quả điện tử và tái sử dụng thông tin, dữ liệu.

- + Bảo đảm cung cấp DVCTT toàn trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ.
- + Bảo đảm cung cấp DVCTT đối với 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu, cắt giảm giấy tờ và chi phí.
- 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh; 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch.
- Tối thiểu 80% hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.
- Hoàn thành xây dựng, làm sạch và đưa vào khai thác, bảo đảm "đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung" đối với 11 CSDL quốc gia và chuyên ngành nông nghiệp môi trường theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025.
- Kết nối, liên thông các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống họp trực tuyến...) của Bộ với các hệ thống thông tin khối cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.
- 100% hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh từ ngày 01/7/2025 được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử; hoàn thành số hoá ít nhất 30% tài liệu lưu trữ lịch sử có giá trị cao, tạo tiền đề hoàn thành toàn bộ công tác số hoá tài liệu lưu trữ trong năm 2026.
- Cơ bản hoàn thành việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm thể chế hoá đầy đủ các chủ trương, định hướng của Nghị quyết số 57-NQ/TW.
- Hoàn thành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chỉ đạo điều hành trực tuyến của lãnh đạo các cấp, trong chuyên môn nghiệp vụ: trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, trợ lý ảo, thiết bị bay không người lái...

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Về thể chế

a) Tập trung hoàn thành việc công bố, công khai TTHC theo 03 Nghị định của Chính phủ và 18 Thông tư về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền trong các lĩnh vực quản lý nhà nước khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, làm cơ sở để các địa phương công bố, công khai, điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử, đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện từ ngày 01/7/2025, **hoàn thành trước ngày 25/6/2025.**

b) Rà soát, sửa đổi các văn bản pháp luật chuyên ngành để công nhận đầy đủ giá trị pháp lý của hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC điện tử, **hoàn thành trong tháng 9/2025.**

2. Về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ

a) Xây dựng, triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC) bảo đảm kết nối liên thông, khai thác hiệu quả thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội, **hoàn thành trong tháng 8/2025.**

b) Xây dựng, triển khai hạ tầng số hợp nhất, tập trung hóa, sử dụng chung, sử dụng công nghệ hiện đại, bảo đảm an toàn thông tin, dung lượng đường truyền đáp ứng quy mô tăng trưởng của dữ liệu và các dịch vụ dữ liệu; kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia, các bộ, ngành, địa phương, **nhiệm vụ thường xuyên.**

3. Về dữ liệu

a) Hoàn thành xây dựng, làm sạch và đưa vào khai thác CSDL về tổ chức đảng, đảng viên trong toàn Đảng bộ, **hoàn thành trong tháng 12/2025.**

b) Khẩn trương chủ trì, phối hợp với Bộ Công an để hoàn thiện CSDL quốc gia về đất đai để phục vụ cung cấp DVCTT toàn trình, **hoàn thành trước 30/6/2025.**

c) Hoàn thành xây dựng, làm sạch và đưa vào khai thác, bảo đảm "đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung" đối với 11 CSDL quốc gia và chuyên ngành nông nghiệp và môi trường theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 (*Phụ lục II kèm theo*), **hoàn thành trước ngày 20/12/2025.**

d) Bảo đảm tiến độ đồng bộ dữ liệu CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành về CSDL tổng hợp quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo kế hoạch, nhiệm vụ giao để cắt giảm thủ tục hành chính, tối ưu hoá quy trình, giải quyết thủ tục hành chính theo mức độ tăng trưởng của dữ liệu bảo đảm chỉ kê khai thông tin một lần khi giải quyết các thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp.

đ) Nghiên cứu cơ chế cho phép các doanh nghiệp triển khai, đảm nhận các dịch vụ công của cơ quan nhà nước, **nhiệm vụ thường xuyên.**

e) Hoàn thành rà soát, cấu trúc lại các thủ tục hành chính chuyển từ thủ công trên giấy sang môi trường điện tử, **hoàn thành trước ngày 20/12/2025.**

g) Đẩy mạnh kết nối, liên thông dữ liệu, ứng dụng phục vụ chỉ đạo, điều hành của các lãnh đạo và các cấp chính quyền bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí, đáp ứng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, **nhiệm vụ thường xuyên.**

4. Về các nền tảng, ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hoạt động trong các cơ quan hệ thống chính trị

a) Triển khai, vận hành Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng theo Kế hoạch 106-KH/VPTW, ngày 17/4/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng; Kế hoạch số 17-KH/ĐU, ngày 17/6/2025 của Đảng ủy Chính phủ về

triển khai phần mềm hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp tại Đảng bộ Chính phủ, bảo đảm thực hiện đúng kế hoạch, thời hạn.

b) Rà soát, khắc phục những hạn chế, bất cập để cung cấp 100% DVCTT thuộc thẩm quyền của Bộ (đáp ứng điều kiện số lượng hồ sơ trung bình của mỗi dịch vụ công phát sinh ít nhất 10 hồ sơ/năm/tỉnh), **hoàn thành trước ngày 01/7/2025**.

c) Tiếp tục đẩy mạnh số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định, phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu, thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC, **nhiệm vụ thường xuyên**.

d) Tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá, nâng cấp hệ thống thông tin, CSDL, kết nối, chia sẻ dữ liệu để bảo đảm: **(1)** Cung cấp **100%** DVCTT thuộc thẩm quyền của Bộ (đáp ứng điều kiện số lượng hồ sơ trung bình phát sinh 1.000 hồ sơ/năm và đáp ứng yêu cầu cung cấp 100% kết quả điện tử và tái sử dụng thông tin, dữ liệu). **(2)** Cung cấp DVCTT toàn trình đối với **04** nhóm TTHC của Bộ (*Phụ lục III kèm theo*). **(3)** Cung cấp DVCTT đối với các TTHC thuộc thẩm quyền của Bộ có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu, cắt giảm giấy tờ và chi phí (*Phụ lục IV kèm theo*).

5. Về nhân lực cho chuyển đổi số

a) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số theo hướng thực chiến, tập trung vào kỹ năng vận hành các hệ thống cụ thể và xử lý quy trình nghiệp vụ mới và các khoá đào tạo, tập huấn về kỹ năng số. Phân loại đối tượng (lãnh đạo, cán bộ chuyên trách, cán bộ nghiệp vụ) để có nội dung tập huấn phù hợp.

b) Đánh giá lại thực trạng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức về chuyển đổi số theo yêu cầu của Bộ Nội vụ.

6. Về nguồn lực tài chính

Ưu tiên bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

7. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo mật

a) Chủ động phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho các hạ tầng kỹ thuật, cơ sở dữ liệu, ứng dụng triển khai tại Bộ, **nhiệm vụ thường xuyên**.

b) Các cơ quan chủ trì quản lý, vận hành các nền tảng số, hệ thống thông tin, CSDL của Bộ sẵn sàng có phương án dự phòng, kích bản ứng phó khi hệ thống bị lỗi, bị tấn công, bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp không bị gián đoạn, an toàn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công trách nhiệm

a) Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Bộ theo lĩnh vực công tác được phân công phụ trách chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung nêu trong Kế hoạch này.

b) Bí thư cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực tiếp tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Kế hoạch này đến đảng viên, công chức, viên chức, người lao động với các hình thức phù hợp, bám sát thực tiễn công tác của đơn vị.

c) Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ chủ trì xây dựng cơ chế, kế hoạch và triển khai kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện Kế hoạch này; định kỳ báo cáo theo yêu cầu của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ.

d) Ban Tổ chức Đảng ủy chủ trì, phối hợp Vụ Tổ chức cán bộ, Cục Chuyển đổi số và các cấp ủy đảng trong Đảng bộ hoàn thành xây dựng, làm sạch và đưa vào khai thác CSDL về tổ chức đảng, đảng viên trong Đảng bộ Bộ. Các cấp ủy đảng trong Đảng bộ chịu trách nhiệm xây dựng rà soát và bảo đảm tính chính xác về dữ liệu đảng viên của tổ chức đảng trước khi gửi về Ban Tổ chức Đảng ủy.

đ) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp Cục Chuyển đổi số hoàn thành xây dựng, làm sạch và đưa vào khai thác CSDL về cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Bộ. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xây dựng rà soát và bảo đảm tính chính xác về dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trước khi gửi về Vụ Tổ chức cán bộ.

e) Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, tham mưu ưu tiên bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

g) Văn phòng Đảng ủy Bộ chủ trì, phối hợp Cục Chuyển đổi số triển khai, vận hành Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng trong các cơ quan giúp việc Đảng ủy Bộ và các tổ chức đảng trực thuộc Đảng bộ.

h) Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Triển khai thực hiện hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch và các Phụ lục kèm theo.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện hoặc lồng ghép với các nhiệm vụ, đề án, chương trình cụ thể thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị để tổ chức thực hiện bảo đảm đồng bộ, hiệu quả.

- Chủ động theo dõi, nắm chắc tình hình thực hiện chính sách pháp luật để kịp thời chỉ đạo xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn.

2. Kinh phí thực hiện

a) Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước, đồng thời lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án có liên quan và huy động thêm các nguồn vốn hợp pháp khác. Việc triển khai các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh trùng lặp, lãng phí, tiêu cực.

b) Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ cấp bách, đột phá, áp dụng linh hoạt các cơ chế tài chính đặc thù đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm đáp ứng yêu cầu tiến độ thực hiện. Khuyến khích tăng cường xã hội hoá, thúc đẩy hợp tác công tư trong đầu tư xây dựng hạ tầng, nền tảng và ứng dụng số dùng chung.

3. Chế độ thông tin, báo cáo

Cục Chuyển đổi số chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đảng ủy Bộ, Vụ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Bộ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện để tổng hợp thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng và báo cáo đột xuất theo yêu cầu và đề xuất với Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ về các biện pháp cần thiết bảo đảm Kế hoạch được thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

4. Tổng kết, đánh giá và khen thưởng, kỷ luật

a) Việc tổng kết, đánh giá dựa trên các kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này và lồng ghép vào kết quả sơ kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2025.

b) Gắn kết quả thực hiện Kế hoạch với đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể và cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu.

c) Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, các mô hình hay, cách làm sáng tạo. Đồng thời, xem xét, xử lý nghiêm các trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ, thiếu trách nhiệm, gây ảnh hưởng đến mục tiêu chung của Kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (để b/c),
- Đảng ủy Chính phủ (để b/c),
- Đ/c Bí thư Đảng ủy, Bộ trưởng (để b/c),
- Các đồng chí Ủy viên BTV, BCH Đảng bộ,
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy Bộ,
- Các đảng ủy, chi bộ trực thuộc,
- Các đoàn thể trực thuộc,
- Lưu VPĐU, ĐUCĐS.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

ỦY VIÊN

Trần Quý Kiên

Phụ lục I

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI
KẾ HOẠCH CỦA ĐẢNG ỦY BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH SỐ 02-KH/BCĐTW**

*(Kèm theo Kế hoạch số -KH/ĐU ngày tháng 6 năm 2025
của Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I	VỀ THỂ CHẾ				
1.	Tập trung hoàn thành việc công bố, công khai TTHC theo 03 Nghị định của Chính phủ và 18 Thông tư về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Văn phòng Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ có TTHC.	TTHC được công bố, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	25/6/2025
2.	Rà soát, sửa đổi các văn bản pháp luật chuyên ngành để công nhận đầy đủ giá trị pháp lý của hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC điện tử.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị thuộc Bộ	Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành	9/2025
3.	Xây dựng cơ chế, kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch tại các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ; định kỳ báo cáo theo yêu cầu của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ.	Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Quy chế; kết quả kiểm tra, báo cáo.	Thường xuyên
II.	VỀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ				
4.	Xây dựng, triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC) bảo đảm kết nối liên thông, khai thác hiệu quả thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội.	Cục CDS	Văn phòng Bộ; Các đơn vị thuộc Bộ.	Hệ thống vận hành bảo đảm kết nối liên thông, khai thác hiệu quả	8/2025
5.	Xây dựng, triển khai hạ tầng số hợp nhất, tập trung hóa, sử dụng chung, công nghệ hiện đại, bảo đảm an toàn thông tin, đường truyền đáp ứng quy mô tăng trưởng của dữ liệu và các dịch vụ dữ liệu; kết nối với	Cục CDS	Các đơn vị thuộc Bộ	Hệ thống hạ tầng số vận hành đáp ứng yêu cầu	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	Trung tâm dữ liệu quốc gia, các bộ, ngành, địa phương.				
III.	VỀ DỮ LIỆU				
6.	Hoàn thành xây dựng, làm sạch và đưa vào khai thác CSDL về tổ chức đảng, đảng viên.	Ban Tổ chức Đảng ủy Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ (Vụ TCCB); Các đảng bộ, chi bộ trực thuộc.	CSDL về tổ chức đảng, đảng viên	12/2025
7.	Phối hợp với Bộ Công an để hoàn thiện CSDL quốc gia về đất đai để phục vụ cung cấp DVCTT toàn trình.	Cục Quản lý đất đai (Cục QLDD).	Cục CDS; Cục C06, C12 (Bộ Công an).	CSDL quốc gia về đất đai được vận hành.	30/6/2025
8.	Hoàn thành xây dựng, làm sạch và đưa vào khai thác, bảo đảm "đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung" đối với 11 CSDL quốc gia và chuyên ngành nông nghiệp và môi trường theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025.	Các đơn vị trực thuộc Bộ quản lý, vận hành CSDL	Cục CDS; Cục C06, C12 (Bộ Công an).	CSDL triển khai, xây dựng, hoàn thiện, vận hành và đồng bộ với Trung tâm Dữ liệu quốc gia.	20/12/2025
9.	Phối hợp triển khai nền tảng hệ thống Công Dịch vụ công Quốc gia (theo tiến độ của Trung tâm Dữ liệu quốc gia).	Cục CDS.	Các đơn vị trực thuộc Bộ; Cục C06, C12 (Bộ Công an).	Kết nối với Công Dịch vụ công Quốc gia	Thường xuyên
10.	Đồng bộ dữ liệu CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành về CSDL tổng hợp quốc gia để cắt giảm TTHC, tối ưu hoá quy trình, giải quyết TTHC.	Cục CDS.	Các đơn vị trực thuộc Bộ; Cục C06, C12 (Bộ Công an).	Đồng bộ dữ liệu CSDL quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Công an	Thường xuyên
11.	Hoàn thành rà soát, cấu trúc lại các TTHC chuyển từ thủ công trên giấy sang môi trường điện tử.	Văn phòng Bộ	Cục CDS; Các đơn vị trực thuộc Bộ.	Các TTHC nội bộ	Thường xuyên
12.	Đẩy mạnh kết nối, liên thông dữ liệu, ứng dụng phục vụ chỉ đạo, điều hành của các lãnh đạo và các cấp chính quyền bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí.	Các đơn vị thuộc Bộ	Cục CDS	Dữ liệu được kết nối, chia sẻ	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
IV.	VỀ CÁC NỀN TẢNG, ỨNG DỤNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC CƠ QUAN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				
13.	Triển khai, vận hành Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan đảng.	Văn phòng Đảng ủy Bộ	Cục CDS; Các đảng bộ, chi bộ trực thuộc.	Hệ thống vận hành ổn định theo hướng dẫn	
14.	Rà soát, khắc phục những hạn chế, bất cập để cung cấp 100% DVCTT thuộc thẩm quyền của Bộ trên hệ thống Thông tin giải quyết TTHC (đáp ứng điều kiện số lượng hồ sơ trung bình của mỗi dịch vụ công phát sinh ít nhất 10 hồ sơ/năm).	Cục CDS.	Văn phòng Bộ; các đơn vị thuộc Bộ.	DVCTT được cung cấp.	01/7/2025 (sau khi các TTHC được công khai, công bố theo quy định)
15.	Đạt tối thiểu 85% hồ sơ dịch vụ công của người dân, doanh nghiệp được xử lý trực tuyến toàn trình đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ.	Các đơn vị trực thuộc Bộ có TTHC	Văn phòng Bộ; Cục CDS.	Các quy trình nội bộ bảo đảm thực hiện toàn bộ quy trình TTHC trên môi trường mạng, từ nộp hồ sơ đến nhận kết quả.	12/2025
16.	Tiếp tục đẩy mạnh số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định, phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu, thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.	Các đơn vị trực thuộc Bộ.	Văn phòng Bộ; Cục CDS.	Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa.	Thường xuyên
17.	Tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá, nâng cấp hệ thống thông tin, CSDL, kết nối, chia sẻ dữ liệu để bảo đảm: (1) Cung cấp 100% DVCTT thuộc thẩm quyền của Bộ (đáp ứng điều kiện số lượng hồ sơ trung bình phát sinh 1.000 hồ sơ/năm/tỉnh và đáp ứng yêu cầu cung cấp 100% kết quả điện tử và tái sử dụng thông tin, dữ liệu). (2) Cung cấp DVCTT toàn trình đối với 04 nhóm TTHC của Bộ. (3) Cung cấp DVCTT đối với các TTHC thuộc	Cục CDS	Văn phòng Bộ; Các đơn vị trực thuộc Bộ; Cục C06, C12 (Bộ Công an).	Hệ thống thông tin/CSDL vận hành ổn định, hiệu quả	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	thẩm quyền của Bộ có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu, cắt giảm giấy tờ và chi phí.				
V.	VỀ NHÂN LỰC CHO CHUYỂN ĐỔI SỐ				
18.	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số theo hướng thực chiến, tập trung vào kỹ năng vận hành các hệ thống cụ thể và xử lý quy trình nghiệp vụ mới và các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, kỹ năng vận hành hệ thống mới cho công chức, viên chức.	Vụ TCCB	Cục CDS; Các đơn vị thuộc Bộ	Các khóa đào tạo	Thường xuyên
19.	Đánh giá lại thực trạng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức về chuyển đổi số theo yêu cầu của Bộ Nội vụ.	Vụ TCCB	Cục CDS	Báo cáo	8/2025
VI.	VỀ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH				
20.	Ưu tiên ngân sách nhà nước chi cho lĩnh vực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, tối thiểu 3 % tổng chi ngân sách nhà nước.	Vụ Kế hoạch - Tài chính; Vụ Khoa học và Công nghệ.	Các đơn vị thuộc Bộ	Phân bổ ngân sách nhà nước	Hàng năm
VII.	BẢO ĐẢM AN TOÀN, AN NINH THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT				
21.	Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho các hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu, ứng dụng triển khai tại Bộ.	Cục CDS.	Các đơn vị trực thuộc Bộ.		Thường xuyên
22.	Quản lý, vận hành các nền tảng số, hệ thống thông tin, CSDL của Bộ sẵn sàng có phương án dự phòng, kích bản ứng phó khi hệ thống bị lỗi, bị tấn công, bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp không bị gián đoạn, an toàn	Cục CDS.	Các đơn vị trực thuộc Bộ.		Thường xuyên

Phụ lục II**DANH MỤC 11 CSDL QUỐC GIA, CHUYÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THEO NGHỊ QUYẾT 71/NQ-CP NGÀY 01/4/2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số -KH/ĐU ngày tháng 6 năm 2025
của Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

STT	Cơ sở dữ liệu	Đơn vị chủ trì, quản lý, vận hành	Đơn vị phối hợp
1	CSDL nghề cá quốc gia (Vnfishbase)	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	Cục Chuyển đổi số
2	CSDL nuôi trồng thủy sản		
3	CSDL về giống cây trồng	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	
4	CSDL trồng trọt		
5	CSDL báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường	Cục Chuyển đổi số	
6	CSDL khí tượng thủy văn quốc gia	Cục Khí tượng Thủy văn	
7	CSDL môi trường quốc gia	Cục Môi trường	
8	CSDL nền địa lý quốc gia	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	
9	CSDL về khai thác sử dụng tài nguyên biển và hải đảo	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	
10	CSDL quốc gia về đất đai	Cục Quản lý đất đai	
11	CSDL viễn thám quốc gia	Cục Viễn thám quốc gia	

Phụ lục III
DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG THIẾT YẾU TRIỂN KHAI NĂM 2025
TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

(Kèm theo Kế hoạch số -KH/ĐU ngày tháng 6 năm 2025
của Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ)	Cục Quản lý đất đai.	Cục Chuyển đổi số
2	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
3	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận - Xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai - Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (nếu có)		
4	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển và thủ tục giao khu vực biển, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.	Cục Môi trường; Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.	

Phụ lục IV
DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÓ THÀNH PHẦN HỒ SƠ CÓ THỂ
THAY THẾ BẰNG DỮ LIỆU BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Kế hoạch số -KH/ĐU ngày tháng 6 năm 2025
của Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Các thành phần hồ sơ đề xuất cắt giảm
1.	1.000705	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp tỉnh).	Căn cước công dân; chứng minh nhân dân
2.	1.008833	Đăng ký tiếp cận nguồn gen.	
3.	1.011671	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.	
4.	1.00113	Xin phép trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài.	
5.	1.001371	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp TW).	
6.	1.004117	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại.	
7.	1.011672	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ - cấp Trung ương.	
8.	1.008836	Cấp Quyết định cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập hoặc nghiên cứu, phân tích, đánh giá không vì mục đích thương mại.	
9.	1.009483	Giao khu vực biển cấp huyện	
10.	1.008838	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	
11.	1.005181	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp tỉnh)	
12.	1.00416	Đăng ký tiếp cận nguồn gen	
13.	1.004056	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	
14.	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (cấp xã)	
15.	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y).	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Các thành phần hồ sơ đề xuất cắt giảm
16.	1.004756	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền của Cục Thú y (gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y).	Căn cước công dân; chứng minh nhân dân
17.	1.001373	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp TW).	
18.	1.01276	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
19.	1.012768	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên.	
20.	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót.	
21.	1.012765	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng.	
22.	1.012761	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là tổ chức trong nước, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.	
23.	1.012795	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ.	
24.	1.012776	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân.	
25.	1.01282	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Các thành phần hồ sơ đề xuất cắt giảm
		thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (cấp Tỉnh).	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
26.	1.012807	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư.	
27.	1.012788	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản.	
28.	1.012769	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký.	
29.	1.012814	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất.	
30.	1.012766	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng.	
31.	1.012779	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân.	
32.	1.012782	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận.	
33.	1.009482	Công nhận khu vực biển cấp huyện	
34.	1.012754	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	
35.	1.01275	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
36.	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
37.	1.012772	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Các thành phần hồ sơ đề xuất cắt giảm
		quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	
38.	1.009481	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	
39.	1.012789	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	
40.	1.012771	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	
41.	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	
42.	1.012066	Sửa đổi, bổ sung Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng.	Giấy khai tử
43.	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
44.	1.004056	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	Hộ khẩu
45.	1.012752	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
46.	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Các thành phần hồ sơ đề xuất cắt giảm
		01 tháng 7 năm 2004	
47.	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.	
48.	1.012815	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	
49.	1.012781	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	
50.	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	
51.	1.012813	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	
52.	1.00948	Công nhận khu vực biển cấp Bộ	
53.	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
54.	1.012794	Đăng ký biến động đối với trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	
55.	1.012819	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất.	
56.	1.012793	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.	
57.	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	
58.	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	
59.	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
60.	1.002972	Thẩm định, đánh giá điều kiện, năng lực của tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	
61.	2.001742	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp Trung ương)	
62.	1.003462	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y	
63.	1.003540	Thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Các thành phần hồ sơ đề xuất cắt giảm
		toàn thực phẩm cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản để bổ sung Danh sách xuất khẩu	
64.	1.003959	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
65.	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
66.	1.000778	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.	
67.	2.001730	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
68.	2.001730	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
69.	2.001814	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	
70.	2.001816	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Trung ương)	
71.	1.004433	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (cấp tỉnh)	
72.	2.001254	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	
73.	1.003969	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
74.	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y.	
75.	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.	
76.	1.003983	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
77.	3.000104	Cấp lại Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam	
78.	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y	
79.	1.004446	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản;	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Các thành phần hồ sơ đề xuất cắt giảm
		cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (cấp tỉnh)	
80.	2.001746	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (Cấp Trung ương)	
81.	1.003082	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
82.	1.003111	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
83.	2.001429	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trường hợp đổi tên thương phẩm, thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	
84.	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
85.	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
86.	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
87.	1.012770	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức	
88.	3.000130	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	
89.	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Các thành phần hồ sơ đề xuất cắt giảm
		tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
90.	1.003178	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản	
91.	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
92.	1.011325	Cấp, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.	
93.	1.003388	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	
94.	1.003647	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	
95.	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
96.	1.000082	Cấp, bổ sung, gia hạn, cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cấp Trung ương	
97.	1.003611	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
98.	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
99.	1.000801	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp TW).	

